

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 778/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2020 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi sinh sống: Ấp Q, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Hữu T**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa; anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:* Chị và anh Phạm Hữu T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, bất đồng trong chi tiêu tiền bạc, anh T hay nhậu nhẹt và không quan tâm vợ con. Anh, chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn từ tháng 10/2020 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Phạm Minh X, sinh ngày 02/8/2011. Hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Theo Tờ tự khai đề ngày 08/01/2021, bị đơn anh Phạm Hữu T trình bày: Anh và chị L kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh, chị đã chính thức ly thân khoảng 01 tháng nay. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh, anh cũng đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, anh Phạm Hữu T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị L khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử X hành xét xử vắng mặt anh T.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của chị và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh T nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm Hữu T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức Tây theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2010, quyển số 01/2010 ngày 07/10/2010. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, bất đồng trong chi tiêu tiền bạc, anh T hay nhậu nhẹt và không quan tâm vợ con. Anh, chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn từ tháng 10/2020 đến nay. Đối với anh T, mặc dù tại Tờ tự khai ngày

08/01/2021, anh trình bày không đồng ý ly hôn với chị L vì còn thương vợ con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ để Tòa án hòa giải, tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cũng vắng mặt. Chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L. Đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L và cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung*: Chị L và anh T có 01 con chung tên Phạm Minh X, sinh ngày 02/8/2011. Hiện cháu X đang sống với chị L từ khi vợ chồng ly thân tới nay cũng đã ổn định. Đồng thời, cháu X cũng có nguyện vọng được sống với chị L. Hơn nữa, tại Tờ tự khai ngày 08/01/2021, anh T cũng có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh, anh cũng đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Do vậy, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, nghĩ nên tiếp tục giao cháu X cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **Về án phí**: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị L và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Phạm Hữu T.

2. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

+ Giao con chung tên Phạm Minh X, sinh ngày 02/8/2011 cho chị L nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do chị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004496 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Đức Tây, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN